

Bản án số: 1189/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2017.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Hồng

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Hải Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1135/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1541/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1750/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1964, địa chỉ: 618/61/17 Đường T, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Bị đơn : Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1962, địa chỉ: 160/17/6 Đường B, Phường S, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2016 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1983, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp theo giấy công nhận kết hôn số 13, cấp ngày 14/5/1983.

Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Hoài T (sinh ngày 23/4/1987) và Nguyễn Hoài N (sinh ngày 28/3/1985). Ông bà chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh giữa bà và ông H do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống lối sống, vợ chồng không thể tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với nhau trên nhiều lĩnh vực. Ông H thường xuyên nhục mạ, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà, không tôn trọng bà, thường xuyên đòi tiền bà và đánh đập bà. Do đời sống chung không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2016. Nhận thấy tình cảm không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống. Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H. Về con chung: cả hai con chung đều trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc H không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông H vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của ông H cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 07/3/2017 và ngày 27/6/2017 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả phiên họp cho ông H được biết. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H. Về con chung: hai con chung tên Nguyễn Hoài T (sinh ngày 23/4/1987) và Nguyễn Hoài N (sinh ngày 28/3/1985) đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Quốc H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuy nhiên thời gian giải quyết hồ sơ vụ án còn để quá hạn luật định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng

xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: hai con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Căn cứ giấy công nhận kết hôn số 13 quyển số 01.83 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/1983 thì bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông H, ông H có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Toà án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cũng như Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông H vẫn vắng mặt, theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Xét lời khai của bà T thể hiện cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng quan tâm chia sẻ với nhau trên nhiều lĩnh vực, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo kết quả xác minh của Ban chấp hành Hội Phụ nữ Phường S, quận Gò Vấp thể hiện “Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc H có 02 con chung. Gia đình thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn nhờ tổ dân phố can thiệp. Các thông tin còn lại không có cơ sở để xác định”. Căn cứ khoản 2 Điều 78 Bộ luật dân sự, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, Phần 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa giải quyết cho ly hôn là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Hoài T (sinh ngày 23/4/1987) và Nguyễn Hoài N (sinh ngày 28/3/1985) đã trưởng thành

Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời do chưa ghi nhận được ý kiến của ông H về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8

Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H (Giấy công nhận kết hôn số 13 quyển số 01.83 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/1983 không còn giá trị).

2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Hoài T (sinh ngày 23/4/1987) và Nguyễn Hoài N (sinh ngày 28/3/1985) đã trưởng thành

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Kim T chịu nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016888 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.9,Q.Gò Vấp
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài